

Tân Phú Đông, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lương Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

- *Bị đơn*: Chị Võ Thanh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Thanh T và chị Võ Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T và chị T thỏa thuận chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng K, sinh ngày 18/8/2008.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình chị T không được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Anh T và chị T đã tự thỏa thuận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận: Anh T và chị T thống nhất tặng cho cháu Lương Hoàng K 03 thửa đất và 01 căn nhà. Cụ thể như sau:

- + Thửa đất số 3825, tờ bản đồ số PTC2, diện tích 150 m², đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00525 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/11/2011 cho bà Võ Thanh T; đất tại ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh G.

- + Thửa đất số 3824, tờ bản đồ PTC2, diện tích 243 m² đất ở tại nông thôn 150 m², đất trồng cây lâu năm 93 m² (đã thu hồi 25,5 m² loại đất cây lâu năm theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện Đ, diện tích còn lại là 217,5 m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00526 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/11/2011 cho bà Võ Thanh T; đất tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

- + Thửa đất số 1063, tờ bản đồ số PTC2, diện tích 298 m², đất ở tại nông thôn 150 m², đất trồng cây lâu năm 148 m² (đã thu hồi 38,8 m² theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện Đ, diện tích còn lại là 259,2 m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00194 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/12/2010 cho bà Võ Thanh T; đất tại ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh G.

- + 01 căn nhà cấp 4, kiểu dáng mái thái, vách tường, nền gạch, diện tích 200 m² có vị trí thuộc 03 thửa đất 3824, 3825 và 1063, nhà tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

Chị T có trách nhiệm quản lý tài sản gồm 01 căn nhà và 03 thửa đất 3824, 3825, 1063 của cháu Lương Hoàng K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Các bên được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Anh, chị xác định không có.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008175 ngày 31/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, nên hoàn lại anh T số tiền 150.000 đồng.

Chị T không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện TPĐ;
- UBND xã V, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đặng Văn Lắm